|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**  Số /2023/QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hải Phòng, ngày tháng năm 2023* |

|  |
| --- |
| DỰ THẢO |

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về đánh giá và phân loại mức độ thực hiện nhiệm vụ Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố giao đối với người đứng đầu sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện tại thành phố Hải Phòng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 10năm 2007 của Chính phủ quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ;

Căn cứ Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;

Căn cứ Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao ban hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về đánh giá và phân loại mức độ thực hiện nhiệm vụ Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao đối với người đứng đầu sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện tại thành phố Hải Phòng

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số /TTr-VP ngày tháng năm 2023 và Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số /BCTĐ-STP ngày tháng năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số44/2019/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về đánh giá và phân loại mức độ thực hiện nhiệm vụ Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao đối với người đứng đầu sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện tại thành phố Hải Phòng.

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Kết quả đánh giá, phân loại mức độ thực hiện nhiệm vụ phải phản ánh đúng kết quả hoạt động chỉ đạo, điều hành, mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao của các cơ quan, đơn vị và địa phương do người đứng đầu chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và quản lý. Kết quả đánh giá, phân loại sẽ được tính cho người đứng đầu cơ quan có thời gian công tác trên 06 (sáu) tháng tại đơn vị đó”.

2. Bổ sung khoản 4 Điều 5 như sau:

“4. Điểm nhóm tiêu chí bổ sung gồm: Tiêu chí đánh giá về công tác giải phóng mặt bằng; Tiêu chí đánh giá về công tác giải ngân vốn đầu tư công; Tiêu chí đánh giá về kết quả thu nội địa; Tiêu chí đánh giá về công tác quản lý đất đai; Tiêu chí đánh giá về công tác chuyển đổi số.”

3. Sửa đổi khoản 4 Điều 6 như sau:

“4. Cách tính điểm nhóm tiêu chí bổ sung:

a) Tiêu chí đánh giá về công tác giải phóng mặt bằng:

Cách tính điểm: Tỷ lệ diện tích đã giải phóng mặt bằng trên diện tích phải giải phóng mặt bằng đối với từng dự án theo thời gian thực hiện của Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đạt 95% trở lên được thưởng điểm, thêm 01% thưởng 01 (một) điểm. Tỷ lệ đạt dưới 95% bị trừ điểm, giảm mỗi 01% trừ 01 (một) điểm; tối đa không quá 05 (năm) điểm.

Phương thức xác nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả công tác giải phóng mặt bằng của các địa phương đến ngày 31 tháng 12 của năm đánh giá để làm căn cứ đánh giá người đứng đầu. Thời gian báo cáo trước ngày 05 tháng 01 của năm liền kề tiếp theo của năm đánh giá.

b) Tiêu chí đánh giá về công tác giải ngân vốn đầu tư công:

Cách tính điểm: Tính đến 31 tháng 12 của năm đánh giá, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt hoặc ước đạt trên 95% trở lên được thưởng điểm, mỗi 01% thưởng thêm 01 (một) điểm. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công dưới 95% bị trừ điểm, mỗi 01% trừ thêm 01 (một) điểm; tối đa không quá 05 (năm) điểm. Trường hợp cơ quan, đơn vị, địa phương bị điều chuyển vốn đầu tư công cho các đơn vị khác có nhu cầu và khả năng thực hiện giải ngân tốt hơn trừ 03 (ba) điểm.

Phương thức xác nhận: Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả giải ngân vốn đầu tư công của các cơ quan, đơn vị, địa phương của năm (kết quả số liệu tính đến 31 tháng 12 hoặc ước tính cả năm đánh giá) để làm cơ sở đánh giá. Thời gian báo cáo trước ngày 05 tháng 01 của năm liền kề tiếp theo của năm đánh giá.

c) Tiêu chí đánh giá về kết quả thu nội địa:

Cách tính điểm: Tỷ lệ thu nội địa vượt chỉ tiêu, mỗi 01% vượt thu được thưởng 01 điểm; tối đa không quá 5 (năm) điểm. Tỷ lệ thu nội địa không đạt chỉ tiêu được giao, mỗi 01% dưới chỉ tiêu được giao trừ 01 (một) điểm; tối đa không quá 05 (năm) điểm.

Phương thức xác nhận: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế thành phố xác định kết quả thu nội địa của từng cơ quan, đơn vị, địa phương. Thời gian báo cáo trước ngày 05 tháng 01 của năm liền kề tiếp theo của năm đánh giá.

d) Tiêu chí đánh giá về công tác quản lý đất đai:

Cách tính điểm: Cộng 05 (năm) điểm nếu trong năm địa phương không để xảy ra vụ việc vi phạm quy định về công tác quản lý đất đai. Trừ 05 (năm) điểm nếu trong năm để xảy ra vụ việc vi phạm quy định về công tác quản lý đất đai trên địa bàn.

Phương thức xác nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Thanh tra thành phố rà soát, tổng hợp danh sách số lượng các vụ việc vi phạm của từng địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để làm căn cứ đánh giá. Thời gian báo cáo trong ngày 05 tháng 01 của năm liền kề tiếp theo của năm đánh giá.

e) Tiêu chí đánh giá về công tác chuyển đổi số:

Cách tính điểm: Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số của các đơn vị theo Danh mục các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số triển khai thực hiện, được ban hành kèm theo Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm (thời điểm đầu năm đánh giá); cứ hoàn thành tiến độ thực hiện theo yêu cầu đối với từng nhiệm vụ được cộng 01 (một) điểm cho đơn vị, tối đa không quá 05 (năm) điểm; đối với đơn vị không đảm bảo tiến độ thực hiện bị trừ 01 (một) điểm cho một nhiệm vụ, tối đa không quá 05 (năm) điểm.

Phương thức xác nhận: Sở Thông tin và Truyền thông căn cứ vào Danh mục các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số triển khai thực hiện, được ban hành kèm theo Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm, tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện của từng đơn vị đối với từng nhiệm vụ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố. Thời gian báo cáo trước ngày 05 tháng 01 của năm liền kề tiếp theo của năm đánh giá.

4. Bổ sung khoản 5 Điều 6, cụ thể như sau:

“5. Công thức tính điểm đánh giá:

a) Điểm đánh giá = Điểm thực hiện nhiệm vụ + Điểm đánh giá của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố + Điểm thưởng + Điểm nhóm tiêu chí bổ sung - Điểm trừ.

Trong đó:

Điểm thực hiện nhiệm vụ = (Tổng điểm nhiệm vụ/tổng số nhiệm vụ) x 8 (tám).

- Tổng điểm nhiệm vụ = (số nhiệm vụ đã hoàn thành trong hạn + số nhiệm vụ không hạn đã hoàn thành + số nhiệm vụ không được theo dõi trên hệ thống phần mềm Văn phòng điện tử đã hoàn thành) x 10 (mười).

- Tổng số nhiệm vụ = (số nhiệm vụ có hạn thực hiện trong năm + số nhiệm vụ không hạn được giao trong năm + số nhiệm vụ không được theo dõi trên hệ thống phần mềm Văn phòng điện tử).

b) Trường hợp đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố trong năm không được giao thực hiện nhiệm vụ tại các văn bản chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thì kết quả đánh giá của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị và địa phương được tính là kết quả đánh giá và là căn cứ để phân loại mức độ thực hiện nhiệm vụ của năm đánh giá.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Như Điều 3; * Văn phòng Chính phủ; * Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ; * Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp; * TTTU, TTHĐND TP; * Đoàn ĐBQH HP; * CT, các PCT UBND TP; * CVP, PCVP UBNDTP; * Các Phòng Chuyên viên; * Báo: HP, ANHP; Đài PTTHHP, Cổng TTĐTTP; * Công báo TP; * Lưu: VT, NCKTGS3. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Văn Tùng** |

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.